

NGHIÊN CỨU VÀ TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT KHẨU THỨC ĂN CHO CHĂN NUÔI LỢN

TRẦN VĂN HÀ

Muốn thúc đẩy chăn nuôi phát triển phải thực hiện đồng bộ các biện pháp kĩ thuật thức ăn, giống, phòng trừ dịch bệnh, chuồng trại, nuôi dưỡng. Nhưng thức ăn là biện pháp hàng đầu có tính chất quyết định nhất. Muốn mở rộng qui mô chăn nuôi, nâng cao phẩm chất giống, trước hết phải có kế hoạch thức ăn cụ thể và vững chắc. Thức ăn đủ cả về số lượng và chất lượng mới tăng cường sức đề kháng của con vật đối với nhiều loại bệnh. Thức ăn thiếu đã gây ra hàng loạt bệnh trong nhiều đàn lợn, nhất là đàn lợn nuôi tập thể. Thức ăn thiếu lại tạo điều kiện thuận lợi cho hàng loạt bệnh ác tính phát sinh và lây lan nhanh chóng. Thức ăn còn là một nhân tố quan trọng để hạ giá thành, bảo đảm kinh doanh chăn nuôi có lãi, vì chi phí về thức ăn chiếm khoảng 70—75% cơ cấu giá thành một kilôgam thịt lợn hơi. Thức ăn không đủ, nuôi kéo dài, thì không phải tiêu tốn 5—6 đơn vị mà phải 9—10 đơn vị thức ăn mới sản xuất ra được một kilôgam thịt lợn hơi.

Trong điều kiện nước ta, muốn đưa nhanh chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính tương đối độc lập với trồng trọt, điều quan trọng trước hết là phải tạo được cơ sở thức ăn vững chắc cho chăn nuôi. Trong một buổi sinh hoạt học thuật với cán bộ ngành chăn nuôi thú y, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ: « *Thức ăn phải đi trước một bước, thức ăn là quyết định* ». Thủ tướng nhấn mạnh: « *Tôi yêu cầu các đồng chí gạch dưới câu nói trên đây* ».

Vì thức ăn có tầm quan trọng và quyết định như vậy nên viện sĩ Ivanốp, nhà bác học Nga

nổi tiếng về giống đã xác nhận: « *Thức ăn và cách nuôi dưỡng ảnh hưởng đến cơ thể gia súc mạnh hơn là giống và nguồn gốc* ».

I — TÌNH HÌNH VÀ MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU THỨC ĂN CHO ĐÀN LỢN

Nét nổi bật trong nhiều năm là đàn lợn của tập thể hợp tác xã, của nhiều nông trường quốc doanh, trạm, trại thiếu thức ăn, nhất là thức ăn giàu đạm; nhiều thời kì thức ăn thiếu nghiêm trọng. Thức ăn đã thiếu lại cung cấp không đều, đơn điệu (lúc thì chỉ có cám, lúc thì chỉ có ngô...) không bảo đảm tiêu chuẩn và khẩu phần ăn đã đề ra cho các loại lợn. Cần thấy rằng đàn lợn tập thể của hợp tác xã chưa nhiều, mới chiếm gần 10% tổng số đàn lợn, bình quân một hợp tác xã có trại lợn tập thể mới nuôi có 70 con, đàn lợn quốc doanh còn quá ít, mới chiếm khoảng 0,7%.

Đàn lợn gia đình tiến chậm, tăng giảm theo mùa màng. Mức độ nuôi theo đầu hộ xoay quanh 1,5 lợn. Sản lượng thịt tính bình quân chung cho 1 đầu lợn của ta mới có 36 kg thịt hơi, trong khi đó ở nhiều nước có nền chăn nuôi phát triển là 120—140 kg. Ở những nước này, trên 50% tổng sản lượng ngũ cốc đã dành cho chăn nuôi.

Số lượng thịt sản xuất bình quân có 36 kg/1 đầu lợn nêu ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần được cấp bách giải quyết, trong đó vấn đề quan trọng nhất là thức ăn.

Điều kiện địa lí và chiến tranh có gây cho chúng ta một số khó khăn trong việc giải

quyết thức ăn. Thức ăn lại phân bố không đều giữa các vùng và trong từng vùng. Miền núi, người thưa, đất nhiều khả năng thức ăn còn nhiều, lợn ít. Miền đồng bằng, người đông, đất ít, thức ăn thiếu, lợn nhiều và còn phải tăng nhiều hơn nữa cả về số lượng và chất lượng thì mới bảo đảm cung cấp thịt, mỡ tại chỗ và phân bón cho thâm canh.

Bên cạnh những khó khăn do khách quan như vừa nêu trên, cần phải nhấn mạnh về phần chủ quan còn nhiều mặt yếu, kém: chưa khai thác được những thuận lợi của điều kiện khí hậu nhiệt đới có pha trộn khí hậu ôn đới; còn để lãng phí đất đai và nhiều nguồn thức ăn nông nghiệp, công nghiệp, thủy sản; việc cải biến cơ cấu cây trồng trong từng vùng chưa làm được bao nhiêu, việc làm thêm vụ đông mới bắt đầu ở một số nơi; việc chế biến bảo quản chưa tốt, cách cho ăn và nuôi dưỡng chưa hợp lý nên tiêu tốn nhiều thức ăn mà hiệu quả kinh tế lại thấp.

Ngành chuyên môn, trong khoảng 10 năm nay, tuy đã có nhiều cố gắng, song chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết thức ăn. Một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm về thức ăn đã bước đầu phát huy tác dụng. Việc hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chế biến thức ăn, cho ăn theo tiêu chuẩn khâu phân chỉ thực hiện được ở những nơi có sự chỉ đạo chặt chẽ. Sau đây là kết quả chính mà các cơ quan nghiên cứu, chỉ đạo kỹ thuật và giảng dạy đã đạt được:

— Đã bổ sung hoàn chỉnh bảng tiêu chuẩn và khâu phân thức ăn cho các loại lợn qui định tạm thời từ năm 1963.

— Bảng phân tích thành phần dinh dưỡng của hơn 300 loại thức ăn, trong đó có khoảng gần 300 loại thức ăn cho lợn.

— Đã điều tra nghiên cứu tập đoàn cây thức ăn cho lợn thuộc một số vùng đồng bằng, trung du, miền núi.

— Đã nghiên cứu thực nghiệm và chỉ đạo thực hiện việc thâm canh sản xuất thức ăn trên đất 5%, thức ăn hỗn hợp, sản xuất men giống và ủ men vào thức ăn, ủ tươi thức ăn..., đã tổ chức một số xí nghiệp thức ăn nội và một số xí nghiệp thức ăn nhập từ nước ngoài (đã bắt đầu đi vào sản xuất).

Một số việc đang làm cần được xúc tiến gấp đã tạo cơ sở thức ăn tương đối vững chắc cho đàn lợn là: nghiên cứu thâm canh trên diện tích đất dành cho chăn nuôi lợn tập thể của hợp tác xã (5%—10%—20%) và trên diện tích ruộng đất của nông trường, đối với từng loại tập đoàn cây thức ăn cho từng vùng, nhằm đạt trên đơn vị diện tích một số lượng đơn vị thức ăn nhiều nhất phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của con lợn với hàm

lượng prôtêin, axit amin cao nhất và với giá thành rẻ nhất. Cùng với ngành trồng trọt, nghiên cứu cải biến cơ cấu cây trồng trong từng vùng, mở rộng sản xuất vụ đông nhằm bảo đảm vững chắc lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, nghiên cứu việc sử dụng tổng hợp các loại thức ăn đậm (đạm thực vật, đạm động vật, men vi sinh vật), nghiên cứu việc lợi dụng đến mức cao nhất các loại thức ăn thô, không để lãng phí.

Tuy việc nghiên cứu tạo cơ sở thức ăn tương đối vững chắc cho gia súc nói chung, cho lợn nói riêng trong điều kiện nông nghiệp của ta còn có nhiều khó khăn và phức tạp, nhưng nhiều điển hình nông trường quốc doanh, trại tập thể của hợp tác xã, gia đình, đã giải quyết tốt thức ăn cho đàn lợn, vận dụng một cách sáng tạo những thành tựu khoa học và kỹ thuật về thức ăn và nuôi dưỡng, đã đưa năng suất và tổng sản lượng thịt lên gấp rưỡi, gấp hai lần so với những đơn vị khác trong điều kiện tương tự, đã kinh doanh chăn nuôi có lãi. Những kết quả đó cho phép chúng ta tin rằng có khả năng giải quyết được vấn đề thức ăn cho lợn theo các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Những điển hình đó vừa khuyến khích ngành chuyên môn và các ngành nghiệp vụ có liên quan phải nắm chắc hơn nữa thức ăn gia súc trong từng vùng, đặc tính của các giống lợn Việt-nam trong từng vùng, đặc tính của các giống lợn ngoại, lợn lai sống trong điều kiện của Việt-nam. Vấn đề đó đòi hỏi chúng ta phải cải tiến hẳn tổ chức và lề lối làm việc trong công tác nghiên cứu, giảng dạy và chỉ đạo kỹ thuật, để vừa nắm chắc thực tiễn của Việt-nam, vừa theo sát những thành tựu về khoa học kỹ thuật, về thức ăn và nuôi dưỡng lợn của thế giới, vận dụng một cách sáng tạo vào điều kiện của Việt-nam. Xin dẫn ra đây một vài ví dụ của những điển hình đó: các nông trường Tam-đảo, Yên-thế, Phú-sơn tuy công tác giống chưa làm được nhiều nhưng vì chế biến thức ăn tốt, cho lợn ăn tương đối đúng khâu phân và nuôi dưỡng tốt đã đạt được một số chỉ số đáng khích lệ: lợn nái đẻ một năm 1,8 lứa, mỗi lứa trên dưới 10 con, tỉ lệ nuôi sống trên 90%, lợn con giống nội 45—50 ngày cai sữa đạt trên dưới 7 kg, lợn nội nuôi 10 tháng tuổi đạt 70 kg, lợn lai 10 tháng tuổi đạt 90—100 kg; Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh thành phố Hà-nội đã chỉ đạo phong trào nuôi lợn thí nghiệm tăng sản (mỗi trại tập thể nuôi 40—50 lợn 10—12 tháng tuổi đạt 100 kg/con). Đến cuối tháng 10-1972, 131 trại đã xuất chuồng 1983 con với 178 845 kg lợn hơi, bình quân 91 kg/con; hợp tác xã Ngô-thôn đạt mức phấn đấu nuôi lợn xuất chuồng bình quân

ăn trại 100 kg/con, đã xuất chuồng 130 con 11 tháng tuổi, bình quân 102,7 kg/con. Đạt kết quả trên là do các chi đoàn đã thực hiện tương đối tốt các khâu liên hoàn trong chăn nuôi, đã quản lý tốt các loại thức ăn được giao, chế biến tốt, cho ăn theo khẩu phần, và chọn các đoàn viên có tinh thần trách nhiệm, ham thích kỹ thuật, để nuôi dưỡng đàn lợn. Huyện Nam-ninh có 17 600 ha ruộng đất, tuy đất 5% chỉ có 880 ha, đã dành 6,5 ruộng đất tức 1 150 ha, hướng dẫn thâm canh và quản lý sử dụng tốt khối lượng thức ăn sản xuất ra. Huyện tổ chức ra nhiều trạm kỹ thuật (nâng các hợp tác xã trọng điểm trong từng « cụm hợp tác xã » lên trình độ trạm kỹ thuật chăn nuôi lợn) để hướng dẫn cụ thể kỹ thuật thâm canh thức ăn, thả cá rô phi để giải quyết thức ăn đạm, chế biến thức ăn và ủ men, nuôi dưỡng theo qui trình cho ăn theo khẩu phần... đã đưa đàn lợn tập thể lên hơn 24 000 con, bình quân mỗi hợp tác xã đã nuôi được 250 lợn tập thể. Khá nhiều hợp tác xã trong huyện đã đạt được những chỉ tiêu kinh tế và kỹ thuật về chăn nuôi lợn tương đối cao so với nhiều huyện khác. Hợp tác xã toàn xã Lạc-hồng — Nam-chấn, do biết tận dụng mọi nguồn thức ăn, nhất là thức ăn thô và chế biến tốt, đã đạt mức bình quân 1 người/1 lợn. Lạc-hồng đã trở thành lá cờ phấp phất thi đua cho tất cả các hợp tác xã trong tỉnh Nam-hà.

Trên đây chỉ là một số dẫn chứng, thực ra tỉnh nào, vùng nào cũng có nhiều điển hình giải quyết thức ăn tốt. Điều quan trọng là biết khai thác, tổng kết và không ngừng vận dụng khoa học, kỹ thuật để nâng cao.

II — NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG LỚN ĐỂ GIẢI QUYẾT THỨC ĂN CHO ĐÀN LỢN

Xuất phát từ đặc điểm tình hình lương thực cho người và thức ăn cho gia súc của ta, để đạt được những chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước về phát triển chăn nuôi lợn trong những năm tới, những phương hướng lớn để giải quyết thức ăn cho đàn lợn có thể như sau :

1. Đẩy nhanh quá trình thâm canh trên toàn bộ diện tích, cải biến cách mạng cơ cấu cây trồng trong từng vùng, tăng nhanh năng suất và tổng sản lượng các cây lương thực bảo đảm ổn định lương thực cho người và tạo cơ sở thức ăn vững chắc cho gia súc. Riêng trên diện tích ruộng dành ra để sản xuất thức ăn cho lợn của các cơ sở chăn nuôi của Nhà nước và hợp tác xã, phải xác định được tập đoàn cây thức ăn thích hợp cho từng vùng, thực hiện thâm canh cao độ, để đạt được trên đơn vị diện tích một số lượng đơn vị thức ăn nhiều

nhất, với hàm lượng prôtêin và axit amin cao nhất, với giá thành rẻ nhất.

2. Tận dụng mọi nguồn thức ăn cho lợn, nhất là các phụ phẩm nông nghiệp và các phụ phẩm công nghiệp. Cũng như đối với sản xuất việc tận dụng các loại thức ăn (nhất là thức ăn thô) phải đi đôi với cải tiến kỹ thuật chế biến, bảo quản và sử dụng. Biện pháp tận dụng, chế biến hết sức quan trọng, vì 90% đàn lợn gia đình hiện nay sống chính bằng phụ phẩm nông nghiệp và công nghiệp.

3. Tăng nguồn thức ăn đạm theo nhiều hướng, bằng nhiều biện pháp và cùng làm một lúc : đạm thực vật (sử dụng cả hạt, thân lá, rễ, tăng diện tích trồng trần, trồng xen : lạc, đỗ tương, đậu mèo, đậu nho nhè...), đạm động vật (nuôi cá rô phi, chế biến bột thịt, bột máu, bột cá, xác súc vật chết, thịt và các bộ phận thải, loại của các lò sát sinh, khai thác chế biến hải sản,...), chế biến và sử dụng men vi sinh vật theo cả hai hướng : sản xuất công nghiệp và chế biến đơn giản như hiện nay.

4. Cải tiến cách cho ăn, ngày càng hoàn thiện các định mức tiêu chuẩn, khẩu phần thức ăn đối với từng giống lợn, từng loại lợn, trong từng vùng, nhằm tiết kiệm được thức ăn, tăng năng suất lợn hạ giá thành trong chăn nuôi.

5. Công nghiệp hóa từng bước việc sản xuất và chế biến thức ăn để phục vụ chăn nuôi lợn ngày càng đi vào tập trung theo vùng, qui mô lớn, theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trồng các loại cây thức ăn trên cạn có năng suất cao trên diện tích rộng để tiện cho việc cơ giới hóa các khâu sản xuất và chế biến, tổ chức mạng lưới cơ khí nhỏ bao gồm các máy nghiền, thái, trộn cỡ nhỏ trong từng huyện, tổ chức trong từng vùng các xí nghiệp thức ăn 2 t/giờ ; 3 t/giờ ; 5 t/giờ, và sau này với công suất cao hơn. Công nghiệp thức ăn còn cung cấp cho gia súc các chất khoáng, nguyên tố vi lượng, kháng sinh, thức ăn phòng bệnh, chất kích thích sinh trưởng cho gia súc mà thức ăn nguồn gốc thực vật còn thiếu hoặc không có. Công nghiệp thức ăn sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hoặc bổ sung theo công thức đã qui định phù hợp với quá trình sinh trưởng của từng loại lợn, sẽ nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, tăng năng suất lao động gấp nhiều lần và hạ giá thành trong chăn nuôi.

6. Để tạo cơ sở thức ăn vững chắc cho chăn nuôi và cho các xí nghiệp thức ăn gia súc hoạt động liên tục thì bên cạnh việc tự giải quyết thức ăn trong nước (sản xuất thức ăn,

dành một phần lương thực), khi điều kiện cho phép, sẽ nhập thức ăn hỗn hợp (hoặc ngô, cao lương, mì mạch, bột cá...) theo hướng và mức như đã nhập phân đạm đối với cây trồng. Làm như vậy chăn nuôi mới phát triển mạnh, vững chắc, tương đối độc lập với trồng trọt, mới nhanh chóng cải tiến cơ cấu bữa ăn của người, giảm mức sử dụng lương thực, tăng nhanh mức thịt, trứng, sữa theo đầu người. Đương nhiên, trong hoàn cảnh chưa cho phép, thì không có con đường nào khác là cải biến cơ cấu cây trồng trong từng vùng và thâm canh cao độ, là cân đối từng bước giữa chăn nuôi với trồng trọt, giữa lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, ưu tiên giải quyết thức ăn cho lợn, cân đối khả năng thức ăn với nhu cầu của đàn lợn. Nôn nóng mở rộng qui mô theo đầu con, không có cơ sở thức ăn vững chắc, thì chỉ đưa đến thất bại.

Ta có trên 80% diện tích đất đai là rừng,

3 400 km bờ biển từ Móng-cái đến Hà-tiên. Cần nghiên cứu khai thác khả năng tiềm tàng của rừng và biển, đó là nguồn thức ăn rất phong phú để phát triển mạnh. Tiến sâu lên núi, đất rộng, người thưa, rừng nhiều, đi xa ra biển, phải chăng đó là một phương hướng quan trọng để giải quyết thức ăn cho gia súc nói chung và cho đàn lợn nói riêng.

Những phương hướng giải quyết thức ăn nói trên cho phép chúng ta có khả năng đưa nhanh chăn nuôi thành một ngành sản xuất chính theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

III — NHỮNG BIỆN PHÁP KỸ THUẬT CHÍNH

1 — Bố trí cơ cấu cây thức ăn và luân canh trên đất dành để sản xuất thức ăn cho lợn trong từng vùng nhằm đạt được khối lượng thức ăn nhiều với hàm lượng đạm tương đối cao trên đơn vị diện tích.

Công thức giải quyết thức ăn hạt, củ bột, đậu đỗ

Cơ cấu cây trồng	Tháng gieo trồng, thu hoạch	Năng suất (tạ/ha)	Tính thành đơn vị thức ăn	Đạm tiêu hóa (kg)
1	2	3	4	5
VÙNG THỰC PHẨM				
Công thức 1				
— Ngô	2—6	25	3 250	155,00
Xen lạc		3	357	110,10
— Lúa mùa	7—10	30	3 450	201,00
— Khoai lang	11—2	100	2 900	40,00
Xen ngô		4	520	24,80
Tận dụng: dây lá lạc khô		10	550	89,00
dây khoai lang khô		50	2 800	320,00
Tổng số:			13 827	939,90
Công thức 2				
— Ngô	2—6	25	3 250	155,00
Xen đỗ tương		4	528	118,00
— Lúa mùa	7—10	30	3 450	201,00
— Khoai tây	11—2	150	5 700	240,00
Tổng số:			12 928	714,00
Chú ý: Đơn vị thức ăn và đạm tiêu hóa trong các công thức tính theo bảng giá trị dinh dưỡng tạm thời của Việt-nam do Học viện Nông Lâm biên soạn.				
Công thức 3 (đất chuyên rau màu)				
— Cao lương, cắt lần 1	2—5	45	4 995	387,00
Xen lạc: củ		3	357	110,10
dây lá khô		10	550	89,00
— Cao lương, cắt lần 2	5—8	30	3 330	258,00
Xen lạc: củ		3	357	110,10
dây lá khô		10	550	89,00
— Cải tai ngựa	9—10	40	640	26,80
— Bắp cải	10—1	200	3 600	340,00
Tổng số:			14 379	1 410,00

1	2	3	4	5
VÙNG CHUYÊN CANH LÚA				
<i>Công thức 1</i>				
— Lúa mùa	7—11	30	3 450	201,00
— Bèo dậu (1)	11—1	600	4 800	960,00
— Lúa xuân	2—6	30	3 450	201,00
<i>Tổng số :</i>			11 700	1 362,00
<i>Công thức 2</i>				
— Lúa mùa sớm	6—9	25	2 875	167,50
— Khoai nước : củ	9—5	300	8 100	240,00
đọc		300	3 600	240,00
<i>Tổng số :</i>			14 575	647,50
<i>Công thức 3</i>				
— Lúa mùa sớm	6—9	25	2 875	167,50
— Khoai lang : củ	10—2	100	2 900	40,00
dây lá khô		50	2 800	320,00
Xen ngô		4	520	24,80
— Lúa xuân	2—6	30	3 450	201,00
<i>Tổng số :</i>			12 545	753,30
<i>Công thức 4</i>				
— Lúa mùa	7—11	30	3 450	201,00
— Cải củ, su hào, bắp cải (2)	12—2	200	3 600	340,00
Xen đậu đũa		4	528	118,00
— Lúa xuân	2—6	30	3 450	201,00
<i>Tổng số :</i>			11 028	660,00
VÙNG LÚA MÀU HOẶC VEN BIỂN				
<i>Công thức 1</i>				
— Lúa mùa sớm	6—9	25	2 875	167,50
— Khoai lang : củ	10—2	100	2 900	40,00
dây lá khô		50	2 800	320,00
Xen ngô		4	520	24,80
— Ngô	2—6	25	3 250	155,00
Xen lạc : củ		3	357	110,10
dây lá khô		10	550	89,00
<i>Tổng số :</i>			13 252	906,40
<i>Công thức 2</i>				
— Cao lương, lẫn cắt 1	1—5	45	4 995	387,00
Xen lạc : củ		3	357	110,10
dây lá khô		10	550	89,00
— Cao lương, lẫn cắt 2	5—8	30	3 330	258,00
Xen lạc : củ		3	357	110,10
dây lá khô		10	550	89,00
— Lúa mùa	8—11	30	3 450	201,00
— Cải củ : củ	11—1	100	1 600	67,00
lá		100	1 100	180,00
<i>Tổng số :</i>			15 939	1 391,20

Ở ven bãi, vùng dề bồi, sau khi thu hoạch cao lương lẫn thứ 2 thì nước ngập. Sau khi nước rút làm một vụ su hào, bắp cải hoặc ngô ba tháng.

- (1) Hoặc thay bằng rau bắp có thể thu được 400 tạ/ha có 6 000 đơn vị thức ăn với 440 kg đạm tiêu hóa thì công thức 1 sẽ có tổng số là 12 900 đơn vị thức ăn với 842 kg đạm tiêu hóa.
- (2) Hoặc thay bằng mạch hoa có thể thu được trên mỗi hecta 12 tạ hạt và 50 tạ thân lá có 1 794 đơn vị thức ăn với 181 kg đạm tiêu hóa thì công thức 4 sẽ có tổng số là 9 222 đơn vị thức ăn với 501 kg đạm tiêu hóa.

1	2	3	4	5
---	---	---	---	---

VÙNG TRUNG DU VÀ VÙNG THẤP CỦA MIỀN NÚI

Công thức 1

— Lúa mùa sớm	6—10	25	2 875	167,50
— Khoai lang : củ	10—2	100	2 900	40,00
dây lá khô		50	2 800	320,00
Xen ngô		4	520	24,80
— Lạc : củ (1)	2—6	15	1 785	550,50
dây lá khô		10	550	89,00
Tổng số :			12 430	1 191,80

Công thức 2

— Lúa mùa	7—11	30	3 450	201,00
— Đậu côve trắng	11—1	4	456	61,60
— Cao lương	2—6	46	4 995	387,00
Xen ngô		4	520	24 80
Tổng số :			9 421	674,40

Công thức 3

— Lúa mùa	7—10	30	3 450	201,00
— Khoai lang (2) : củ	10—2	100	2 900	40,00
dây lá khô		50	2 800	320,00
Xen ngô		4	520	24,80
— Ngô	2—6	25	3 250	155,00
Xen lạc : củ		3	357	110,10
dây lá khô		10	550	89,00
Tổng số :			13 827	939,90

Công thức giải quyết rau xanh, củ, quả chống giáp vụ rau tháng 3 và tháng 4, tháng 9 và tháng 10

1	2	3	4	5
---	---	---	---	---

RUỘNG LÚA MÀU

Công thức 1

— Rau muống	2—11	600	9 000	720,00
— Su hào : lá	2—12	100	1 700	260,00
củ		100	1 100	90,00
— Bắp cải	11—3	200	2 600	340 00
Tổng số :			14 400	1 410,00

Chú i : Tháng 8 và tháng 9 bón thêm phân cho rau muống để kéo dài thu hoạch và gieo trồng sớm su hào.
Làm thêm bắp cải muộn và cấy sớm rau muống vào tháng 2.

Công thức 2

— Dây lang	6—9	400	6 000	440,00
— Cải củ : củ	10—11	100	1 600	67,00
lá		100	1 100	180,00
— Bí đỏ : quả	12—5	300	3 000	300,00
dây lá		300	4 200	840,00
Xen bắp cải		100	1 300	170,00
Tổng số :			17 200	1 997,00

(1) Hoặc thay lạc bằng đỗ tương năng suất đạt 8 tạ hạt/ha có 1 056 đơn vị thức ăn với 236 kg đạm tiêu hóa thì công thức 1 sẽ có tổng số là 11 151 đơn vị thức ăn với 788,30 kg đạm tiêu hóa.

(2) Có thể thay khoai lang bằng khoai tây năng suất 150 tạ/ha có 5 700 đơn vị thức ăn với 240 kg đạm tiêu hóa thì công thức 3 sẽ có tổng số là 13 827 đơn vị thức ăn với 819,9 kg đạm tiêu hóa.

1	2	3	4	5
RUỘNG NƯỚC				
<i>Công thức 1</i>				
— Bèo dâu	10—11	500	4 000	800,00
— Rau lấp	12—2	800	12 000	880,00
— Rau muống	2—2	800	12 000	960,00
<i>Tổng số :</i>			28 000	2 540,00

Chú ý : 1) Ruộng nước có thể vượt đất làm màu (màu vượt). Trên đất vượt trồng đao riêng, su hào, bắp cải, cải tai ngựa, dây lang.

2) Có thể luân canh, năm thứ nhất trồng khoai nước, năm sau cấy lúa, năm sau nữa lại rau muống, bèo cái...

ĐẤT MÀU HOẶC ĐẤT ĐỒI

Luân canh và xen canh trồng các tập đoàn cây thức ăn như sau :

Khoai lang lấy củ, xen ngô hoặc gò dây lang, bí đỏ, bí phần, lạc, đỗ tương, ngô xen lạc hoặc đỗ tương, ngô gieo dày để lấy rau xanh, đậu mèo ngòi, đu đủ, cỏ voi, cỏ sữa, cỏ pangola, cỏ mề đai, cỏ ba lá, mục túc hoa vàng (*stylosanthes gracilis*), trồng cây keo dậu (*lamtoro*) chung quanh đồi, chung quanh trại hoặc trên diện tích đồi rộng.

2 — Tổ chức sản xuất để bảo đảm kế hoạch bố trí cơ cấu cây trồng và thâm canh bảo đảm lịch gieo trồng và thu hoạch.

Khu vực sản xuất thức ăn cần được tổ chức tập trung, vì phân tán sẽ tăng chi phí sản xuất, khó thâm canh và khó cơ giới hóa việc sản xuất và thu hoạch. Tổ chức sản xuất thức ăn cho lợn nên bao gồm cả đội sản xuất thức ăn tinh và đội sản xuất thức ăn thô xanh, đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của người phụ trách cơ sở chăn nuôi (nông trường và hợp tác xã cũng vậy). Trường hợp quản lý lao động và quản lý sản xuất quá kém mới tạm thời chia thành tổ hoặc đội riêng chuyên sản xuất thức ăn thô, rau bèo; còn đối với thức ăn tinh thì trích sản lượng theo một mức độ nhất định. Nếu làm như vậy thì không sử dụng được đất đai đến mức cao nhất để sản xuất thức ăn theo yêu cầu của chăn nuôi, và cơ sở thức ăn không được vững chắc và ổn định.

3 — Một số biện pháp kỹ thuật về chế biến, bảo quản, nhằm tăng thành phần dinh dưỡng của thức ăn và lợi dụng thức ăn đến mức cao nhất.

a) Ủ men thức ăn : Dùng thức ăn ủ men để nuôi lợn có khả năng tăng năng suất khoảng 10%. Tất cả các cơ sở chăn nuôi lợn quốc doanh và hợp tác xã đều phải cho lợn ăn thức ăn ủ men, tiến đến các gia đình chăn nuôi lợn cũng đều biết và thực hiện kỹ thuật ủ men. Tùy điều kiện thuận tiện cho từng nơi mà sử dụng các loại men TH₆₅, TH₂₇, VN₁, VN₂, men thuốc bắc, men lá và phải làm theo đúng qui trình. Hệ thống giữ men giống và sản

xuất men giống bao gồm: trạm nghiên cứu phân lập, giữ và nhận giống men gốc ở trung ương; trạm nhân giống men kết hợp với các xí nghiệp chế biến thức ăn; cơ sở sản xuất nhân giống men đặt tại các nông trường, trại giống, trạm thú y tỉnh; trạm giữ giống và phân phối giống men huyện, trạm kỹ thuật chăn nuôi lợn (hợp tác xã trọng điểm trong từng miền của mỗi huyện) được trang bị một số dụng cụ làm men khoảng 300 đ, được Nhà nước bán theo giá cung cấp cảm, chất bột để sản xuất men giống bán cho các hợp tác xã trong miền. Như vậy mỗi huyện sẽ có 3—5 trạm chế biến men.

b) Ủ tươi thức ăn kết hợp với các biện pháp bảo quản thức ăn phơi khô : Các loại thức ăn thô xanh, củ, quả thường thu hoạch dồn dập vào một thời gian nhất định, khối lượng lớn, không thể sử dụng ngay trong thời gian ngắn; dự trữ khô có nhiều mặt hạn chế, nếu không ủ tươi sẽ bị thối hỏng nhiều. Mặt khác, ủ tươi có thể giữ được hầu như nguyên vẹn thành phần dinh dưỡng, sinh tố trong thức ăn, sản xuất thêm được axit lactic kích thích sự ham ăn của lợn, đất đồi có thể ủ trong hầm đất, nơi có điều kiện thì xây dựng hầm xi măng, hoặc làm tháp ủ tươi thức ăn. Các hợp tác xã nông nghiệp có thể sử dụng những bể xử lý thóc giống trong thời gian 8—10 tháng để ủ tươi khoai lang, dây lang...

c) Chế biến thức ăn bằng cơ giới trong tất cả các vùng và trong từng miền của mỗi huyện, để lợi dụng các nguồn thức ăn phụ phẩm nông nghiệp đồng thời tăng tỉ lệ tiêu hóa của nhiều loại thức ăn thô. Muốn vậy

phải tổ chức được mạng lưới cơ khí nhỏ xay nghiền thức ăn, thái, trộn thức ăn trong từng cụm hợp tác xã, trang bị các máy loại nhỏ, bền và rẻ tiền cho các hợp tác xã qui mô toàn xã, tổ chức các trạm cơ khí sửa chữa và bán phụ tùng thay thế. Ở các khu chăn nuôi tập trung, tại các xí nghiệp chăn nuôi: xây dựng các xí nghiệp thức ăn 2 tấn/giờ, 5 tấn/giờ hoặc công suất cao hơn nữa; trong các năm 1973 — 1975 phải hoàn thành xây dựng các xí nghiệp thức ăn 2 và 5 tấn/giờ đã nhập nội, hoạt động 2 — 3 ca/ngày. Kết hợp với việc chế biến cơ giới, cần phát huy đến mức cao nhất các biện pháp chế biến của nhân dân, dựa vào kinh nghiệm và các phương tiện thủ công để chế biến như phơi khô, băm thái, giã nhỏ, ủ khoai lang nguyên củ trong rơm, ngâm nước làm bột khoai, bột sắn.

4 — *Tiêu chuẩn hóa việc cho ăn, cho ăn theo khẩu phần, nuôi dưỡng theo qui trình.*

Đây là biện pháp quan trọng nhất để tăng năng suất chăn nuôi, tiết kiệm thức ăn, hạ giá thành trong chăn nuôi.

IV — KẾ HOẠCH HÓA THỨC ĂN, TỔ CHỨC QUẢN LÝ, TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỨC ĂN

1 — Kế hoạch hóa thức ăn:

Muốn tạo cơ sở thức ăn vững chắc cho ngành chăn nuôi tương đối độc lập với trồng trọt, theo hướng một ngành chính, sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, thì vấn đề kế hoạch hóa thức ăn là một khâu rất cơ bản có tính chất qui luật (qui luật cơ bản phát triển kinh tế có kế hoạch). Kế hoạch Nhà nước hằng năm ở trung ương và ở địa phương (tỉnh, huyện, xã, hợp tác xã, các trại chăn nuôi quốc doanh) đều phải ghi đủ các chỉ tiêu về diện tích, năng suất, tổng sản lượng các loại thức ăn gia súc như đã làm đối với lương thực cho người, và phải tổ chức việc kiểm tra thực hiện. Có người cho rằng không thể đặt việc kế hoạch hóa thức ăn cho gia súc ngang hàng với việc kế hoạch hóa lương thực cho người. Thực ra, đây chỉ là một vấn đề lương thực của người mà thôi, nếu hiểu lương thực theo nghĩa đúng đắn của nó, thì không phải chỉ có chất bột, đường, càn không phải chỉ có thóc, gạo. Đương nhiên, không ai phủ nhận vị trí quan trọng của thóc gạo. Từ 13 đến 14 năm nay, chúng ta đã tổ chức nông trường quốc doanh và hợp tác xã nông nghiệp, nền móng của sản xuất xã hội chủ nghĩa, nhưng đến nay vẫn chưa đưa được việc sản xuất

thức ăn gia súc vào con đường kế hoạch hóa đó là thiếu sót lớn. Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tháng 4-1963 có ghi rõ "... nay dành thêm 5% diện tích ruộng đất nữa để tạo cơ sở thức ăn vững chắc cho chăn nuôi tập thể của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp...". Tuy đã gần 10 năm mà mới chỉ dành khoảng 2% diện tích ruộng đất để chăn nuôi, nhưng nhiều nơi chưa sử dụng hết hoặc sử dụng sai mục đích. Một nguyên nhân quan trọng là vì chưa đưa việc sản xuất thức ăn cho chăn nuôi vào con đường kế hoạch hóa.

Nếu đưa việc sản xuất thức ăn cho lợn vào kế hoạch thì về cơ bản, chúng ta thấy hoàn toàn có khả năng giải quyết thức ăn cho đàn lợn theo chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước trong các năm 1973 — 1975, và chỉ cần nhập một số thức ăn bổ sung mà ta chưa có điều kiện sản xuất được.

2 — Tổ chức quản lý:

Quản lý kỹ thuật:

Tất cả các cơ sở chăn nuôi quốc doanh, trại chăn nuôi tập thể của hợp tác xã đều phải chăn nuôi theo qui trình, sản xuất các loại cây thức ăn và sản xuất men theo qui trình, nuôi dưỡng lợn theo khẩu phần. Các xí nghiệp thức ăn phải sản xuất và chế biến thức ăn theo qui trình, theo đúng công thức và tiêu chuẩn đã qui định sẵn, theo « pháp chế thức ăn ».

Quản lý việc sản xuất thức ăn, trước mắt là trên diện tích đất 5% của các hợp tác xã nông nghiệp:

Huyện là đơn vị kế hoạch phải quản lý việc sản xuất thức ăn trên diện tích đất 5%. Cứ 1 ha ruộng đất, tùy theo năng suất lúa, màu của địa phương, phải sản xuất được khoảng từ 500 đến 800 kg thịt lợn hơi ở vùng trung du đất bạc màu, từ 800 đến 1 000 kg ở vùng đồng bằng (5 tấn thóc/ha), từ 1 000 đến 1 200 kg ở vùng thực phẩm. Nếu không sản xuất ra thịt thì phải bán lại cho Nhà nước (ở cấp huyện) số thóc, ngô 5% như bán thóc nghĩa vụ. Nhà nước ở cấp huyện sẽ bán lại thức ăn (trước mắt là thóc, ngô) cho các hợp tác xã có trình độ quản lý chăn nuôi khá để mở rộng qui mô chăn nuôi. Làm như vậy thì huyện nào, sau một thời gian cũng sẽ có đàn lợn tập thể với khối lượng thịt sản xuất ra tương đương với sản lượng thức ăn trên diện tích đất 5%. Những huyện chăn nuôi kém, thì Nhà nước cấp tỉnh sẽ điều động số lượng thức ăn trên đất 5% cho huyện khác để phát triển chăn nuôi.

Có thể sẽ tổ chức thành cụm hợp tác xã chuyên sản xuất thức ăn phục vụ chăn nuôi

với diện tích rộng hơn (ở những nơi này, sẽ đặt các xí nghiệp hoặc trạm chế biến thức ăn). Đồng nhiên, phải nghiên cứu hàng loạt chính sách và biện pháp đầu tư có liên quan (chính sách cung cấp lương thực, giá mua thức ăn, đầu tư vốn và cán bộ kỹ thuật chuyên về sản xuất và chế biến thức ăn). Những hợp tác xã qui mô quá nhỏ (30 — 50 ha) có thể không chăn nuôi lợn tập thể, một số hợp tác xã này có thể sẽ chuyên môn hóa sản xuất và chế biến thức ăn gia súc.

Quản lý việc phân phối các nguồn thức ăn gia súc sẽ thúc đẩy việc *ra đời ngành sản xuất thức ăn công nghiệp*— cơ sở chính cho một nền chăn nuôi lớn xã hội chủ nghĩa. Trước mắt, giao việc quản lý phân phối đó cho Cục chăn nuôi gia súc nhỏ của Ủy ban Nông nghiệp trung ương, từng bước tạo điều kiện thành lập các Công ty thức ăn ở cấp trung ương và cấp tỉnh. Đầu tư vật liệu xây dựng, dứt điểm từng bước việc xây lắp các xí nghiệp thức ăn gia súc. Đầu tư nguyên liệu chế biến thức ăn cho các xí nghiệp thức ăn, xí nghiệp nào xây dựng xong phải có đủ nguyên liệu để hoạt động từ 2—3 ca/ngày.

3 — Tổ chức chỉ đạo thực hiện :

Cần phải ghi vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước các chỉ tiêu kế hoạch về sản xuất thức ăn, về năng suất, về sản lượng phụ phẩm công nông nghiệp dùng cho chăn nuôi, bao gồm : phụ phẩm nông nghiệp (dây lá lang, dây lá lạc thân gỗ... cùng với năng suất sản lượng củ lang, củ lạc, ngô hạt); phụ phẩm công nghiệp (cám, khô dầu, bã mằm, bã đậu phụ... cùng với sản lượng cám, dầu, nước chắt...).

Việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất thức ăn cho năm sau phải làm từ cuối vụ đông xuân năm trước, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện theo lịch thời vụ. Sau mỗi vụ mùa, vụ đông, vụ xuân đều có sơ kết và tổng kết. Cơ quan thống kê ở các cấp lên bảng thống kê diện tích năng suất, sản lượng cây thức ăn như đối với cây lương thực.

Các cơ sở chăn nuôi quốc doanh và các hợp tác xã chỉ đạo trọng điểm đều phải có kế hoạch sản xuất, thâm canh các loại cây thức ăn, có lịch gieo trồng và thu hoạch, có lộ ruộng hoặc cánh đồng thức ăn thí nghiệm tăng sản, có công nhân chuyên nghiệp rành nghề sản xuất và chế biến thức ăn. Riêng các cơ sở chăn nuôi được nâng lên trình độ trạm kỹ thuật chăn nuôi lợn (ở mỗi huyện sẽ tổ chức 4 — 6 trạm kỹ thuật loại này) sau mỗi

thời vụ và hằng năm phải có báo cáo kỹ thuật lô thâm canh và chế biến thức ăn.

Ngay từ vụ đông xuân 1972 — 1973 này phải tiến hành việc điều tra qui vùng chăn nuôi và sản xuất cây thức ăn cùng với việc qui trình sản xuất cây trồng.

V — VỀ CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT, ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU THÍ NGHIỆM ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ CÔNG NHÂN CHUYÊN NGHIỆP VỀ THỨC ĂN

Để bảo đảm thực hiện kế hoạch phát triển đàn lợn trong các năm 1973 — 1975, công tác thông tin khoa học và kỹ thuật và việc phổ cập các chủ trương, biện pháp kỹ thuật về thức ăn để nâng trình độ kỹ thuật lên mức đồng đều giữa các cơ sở chăn nuôi quốc doanh, giữa các hợp tác xã trong các vùng; về bố trí cơ cấu cây trồng làm thức ăn và thâm canh; về ủ men và chế biến thức ăn; về nuôi dưỡng và cho ăn theo khẩu phần là quan trọng và có ý nghĩa quyết định.

Phải tiếp tục điều tra cơ bản về các loại cây thức ăn và khả năng thức ăn trong tất cả các vùng, đi đôi với việc qui vùng chăn nuôi, bố trí cơ cấu cây thức ăn trong từng vùng. Việc này cố gắng hoàn thành trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Phải đồng thời tiến hành công tác nghiên cứu thí nghiệm phục vụ cho trước mắt và lâu dài : nghiên cứu khẩu phần ăn cụ thể cho từng loại lợn, từng giống lợn, và trong từng vùng; nghiên cứu giải quyết thức ăn đậm cho lợn; nghiên cứu việc tận dụng các loại thức ăn thô và nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn thô xanh vốn có nhiều ở ta. Ngay từ bây giờ phải đặt kế hoạch nghiên cứu khai thác khả năng to lớn thức ăn của rừng và biển của ta. Việc chăn chỉnh và tổ chức mới các cơ sở nghiên cứu phải có cán bộ giỏi và trang bị thiết bị đầy đủ để nghiên cứu và giảng dạy về thức ăn tại viện, tại các trường là hết sức cấp bách. Tiến tới thành lập viện nghiên cứu về thức ăn cho gia súc và lợn của Việt-nam.

Việc đào tạo cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu, cán bộ hoạt động trong các cơ sở sản xuất chuyên về thức ăn cho lợn là rất cần thiết. Riêng về phần kỹ thuật trồng cây thức ăn, nên giao cho ngành trồng trọt. Nếu giao cho ngành chăn nuôi thì phải sửa lại chương trình đào tạo cán bộ chăn nuôi. Và hằng năm ngành chăn nuôi phải được phân phối cho khoảng 1/4 số kỹ sư trồng trọt tốt nghiệp về thâm canh các loại cây thức ăn gia súc, và công nhân cho các xí nghiệp thức ăn và mạng lưới cơ khí chế biến thức ăn gia súc.